

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ**Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra lũ**

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra lũ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra lũ”.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trần Hồng Hà**

QUY ĐỊNH
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC ĐIỀU TRA LŨ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2013/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều chỉnh cho công tác điều tra lũ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập định mức kinh tế - kỹ thuật được áp dụng để tính đơn giá sản phẩm, phục vụ lập dự toán, thanh quyết toán các công trình, dự án và nhiệm vụ liên quan đến công tác điều tra lũ do các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện bằng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Định mức thành phần

Định mức bao gồm các định mức thành phần sau:

1. Định mức lao động công nghệ

a) Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là Định mức lao động) là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm.

b) Nội dung của định mức lao động gồm:

- Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc;
- Định biên: xác định số lượng lao động và cấp bậc kỹ thuật thực hiện bước công việc.
- Định mức: quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một sản phẩm; đơn vị tính định mức là công nhóm hoặc công cá nhân/đơn vị sản phẩm. Một ngày công làm việc là 8 giờ.

2. Định mức vật tư và thiết bị

Định mức vật tư và thiết bị bao gồm định mức sử dụng vật liệu và định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị:

a) Định mức sử dụng vật liệu: là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm;

b) Định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị: là thời gian người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ, thiết bị cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm. Đơn vị tính là ca/đơn vị sản phẩm;

c) Thời hạn sử dụng dụng cụ, thiết bị: là thời gian sử dụng dụng cụ, thiết bị vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ, thiết bị.

- Thời hạn sử dụng dụng cụ: Đơn vị tính là tháng.
- Thời hạn sử dụng thiết bị: theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Mức điện năng tiêu thụ được tính theo công suất máy và thời gian sử dụng, với 5% hao hụt điện trên đường dây. Đơn vị tính là kW.

đ) Mức cho dụng cụ nhỏ, phụ được tính bằng 5% mức dụng cụ trong bảng định mức dụng cụ.

e) Mức vật liệu nhỏ và hao hụt được tính bằng 8% mức vật liệu trong bảng định mức vật liệu.

Điều 4. Quy định những chữ viết tắt

ĐTV7: Điều tra viên chính Tài nguyên môi trường (TNMT) bậc 7

ĐTV6: Điều tra viên Tài nguyên môi trường bậc 6

KS6: Kỹ sư bậc 6

ĐTVCD3: Điều tra viên cao đẳng bậc 3 TNMT

ĐTVTC5: Điều tra viên Trung cấp TNMT bậc 5

KTV8: Kỹ thuật viên bậc 8

ĐVT: Đơn vị tính

ADCP: Máy đo tốc độ dòng chảy Acoustic Doppler Current Profiler

TCN: Tiêu chuẩn ngành

GPS: Hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System)

BHLĐ: Bảo hộ lao động

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐIỀU TRA LŨ

Chương I

ĐIỀU TRA MỨC NƯỚC VÀ THỜI GIAN XUẤT HIỆN ĐỈNH LŨ

Mục 1

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI ĐI THỰC ĐỊA

Điều 5. Định mức lao động công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa

1. Nội dung công việc:

- a) Nhận nhiệm vụ điều tra lũ;
- b) Thu thập bản đồ các loại (địa hình, thổ nhưỡng, lâm nghiệp, giao thông, hành chính, dân tộc...);
- c) Thu thập tài liệu về mức độ cao;
- d) Thu thập tài liệu mưa, bão tại các trạm khí tượng, thủy văn, điểm đo mưa trong khu vực điều tra có liên quan đến trận lũ điều tra;

đ) Thu thập tài liệu về các trận lũ đã xảy ra tại các trạm thủy văn trong hoặc gần khu vực điều tra;

e) Thu thập tài liệu kỹ thuật hướng dẫn tính toán, chỉnh biên tài liệu điều tra;

f) Thu thập sách báo về trận lũ trong khu vực điều tra;

g) Thu thập tình hình kinh tế xã hội, giao thông khu vực điều tra;

h) Phân loại các tài liệu đã thu thập được (thành loại khai thác trực tiếp và gián tiếp), đánh giá mức độ tin cậy;

i) Xây dựng và trình duyệt phương án điều tra lũ.

2. Định biên: nhóm 4 lao động gồm 3 ĐTV8 và 1 ĐTV6.

3. Định mức: 5,00 công nhóm/1 đoạn sông điều tra lũ (sau đây gọi tắt là vị trí).

Định mức trên quy định cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 8 vết lũ; Định mức cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 01 vết lũ tính bằng 0,25 định mức trên.

Điều 6. Định mức vật tư, thiết bị công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa

1. Định mức dụng cụ:

(ca/1 đoạn sông điều tra)

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức
1	Đèn Neon 40 W	bộ	24	16,00
2	Máy tính bỏ túi	cái	36	0,01
3	Tủ đựng tài liệu	cái	72	4,00
4	Thẻ nhớ loại 2Gb	cái	12	4,00
5	Áo BHLĐ	cái	9	4,00
6	Dép đi trong phòng	đôi	6	16,00
7	Máy hút bụi 1,50 kW	cái	36	0,12
8	Máy hút ẩm 2 kW	cái	36	1,00
9	Đồng hồ treo tường	cái	48	1,00
10	Quạt trần 100 W	cái	60	2,68
11	Quạt thông gió 40 W	cái	36	2,68
12	Điện năng	kW		26,84

Ghi chú:

Định mức trên quy định cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 8 vết lũ; Định mức cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 01 vết lũ tính bằng 0,25 định mức trên.

2. Định mức thiết bị:

(ca/đoạn sông điều tra)

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất (kW)	Định mức
1	Điều hòa nhiệt độ	bộ	2,20	2,68
2	Máy tính xách tay	cái	0,10	0,01
3	Máy ảnh số (chụp tài liệu)	cái		0,01
4	Điện năng	kW		49,53

Ghi chú:

Định mức trên quy định cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 8 vết lũ; Định mức cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 01 vết lũ tính bằng 0,25 định mức trên.

3. Định mức vật liệu:

(tính cho 01 đoạn sông điều tra)

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức
1	Bản đồ địa hình	tờ	1,00
2	Bản đồ thổ nhưỡng, thảm phủ, giao thông	tờ	1,00
3	Bản đồ hành chính	tờ	1,00
4	Bìa đóng sách	Ram	0,02
5	Giấy A4	Ram	1,00
6	Bút bi	Cái	5,00
7	Cặp đựng tài liệu	Cái	1,00
8	Cồn dán	lọ	1,00
9	Đĩa CD	hộp	0,20
10	Hộp đựng tài liệu	Cái	1,00
11	Mực in laser	hộp	0,01
12	Mực photocopy	hộp	0,01
13	Sổ 15 x 20 cm	quyển	0,10

Ghi chú:

Định mức trên quy định cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 8 vết lũ; Định mức cho Công tác chuẩn bị trước khi đi thực địa điều tra 01 vết lũ tính bằng 0,25 định mức trên.